

THIẾT LẬP CÁC QUAN HỆ ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC - MỘT TRONG NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT CỦA ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM TRONG THỜI KÌ ĐỔI MỚI

NGUYỄN CẢNH HUỆ*

TÓM TẮT

Từ năm 1986, cùng với việc thực hiện công cuộc Đổi mới toàn diện đất nước, Đảng đã thực hiện đường lối đối ngoại đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế, Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới... Qua gần 30 năm thực hiện công cuộc Đổi mới (1986-2014), nước ta đã giành được thắng lợi có ý nghĩa lịch sử. Cùng với thắng lợi của công cuộc Đổi mới nói chung, lĩnh vực đối ngoại cũng giành được những thành tựu to lớn. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ trình bày một trong những thành tựu nổi bật của đối ngoại Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới - đó là Việt Nam đã thiết lập được quan hệ đối tác chiến lược với nhiều nước.

Từ khóa: đối tác chiến lược, thành tựu nổi bật, Việt Nam, Đổi mới.

ABSTRACT

Establishing strategic partnerships - One of the remarkable achievements in the foreign affairs policy during the period of “Doi Moi” in Vietnam

Since 1986, along with the comprehensive reform of the country, the Party has been implementing a policy of foreign affairs which stresses on diversified and multilateral international relations, showing that Vietnam wants to be friends with all countries. After 30 years of reform (1986-2014), the country has achieved a historic victory. Along with the victory of the reform in general, the foreign affairs policy also has also gained tremendous achievements. Within the scope of this article, the researcher only focuses on one outstanding achievements of Vietnam’s foreign affairs policy during the reform period, which is the establishment of strategic partnerships with many countries.

Keywords: strategic partnerships, remarkable achievements, Vietnam, Doi moi.

1. Đặt vấn đề

Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước thắng lợi năm 1975 đã mở ra một kỉ nguyên mới đối với lịch sử dân tộc: Kỉ nguyên cả nước độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong 10 năm đầu của kỉ nguyên mới này (1975-1985), mặc dù nước ta đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế - xã hội... Nhưng, do những nguyên nhân khách

quan và chủ quan, đất nước lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Trước tình hình đó, do những yêu cầu bức thiết của đất nước và để phù hợp với xu thế thời đại, từ năm 1986, cùng với việc thực hiện công cuộc Đổi mới toàn diện đất nước, Đảng ta thực hiện đường lối đối ngoại đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế, Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế

* PGS TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: nguyencanhhue_dhsp@yahoo.com.vn

giới... Qua gần 30 năm thực hiện công cuộc Đổi mới (1986-2014), nước ta đã giành được thắng lợi có ý nghĩa lịch sử. Cùng với thắng lợi của công cuộc Đổi mới nói chung, lĩnh vực đối ngoại cũng giành được những thành tựu to lớn. Việc thiết lập các quan hệ đối tác chiến lược có thể coi là một trong những thành tựu nổi bật của đối ngoại Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới. Bài viết này sẽ làm rõ vấn đề nêu trên.

2. Đối tác chiến lược là gì?

Về khái niệm này, có nhiều ý kiến khác nhau. Theo Đinh Công Tuấn, Viện Nghiên cứu châu Âu, thì thuật ngữ *đối tác chiến lược* lần đầu được sử dụng vào khoảng những năm 1990, 1991 để chỉ quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc. Từ đó, thuật ngữ này được sử dụng rộng rãi. Theo Va-lê-ri Lót-xkin (Nga), *Đối tác chiến lược* phải bao gồm những nội dung sau: không tấn công lẫn nhau, không liên minh chống lại các nước khác, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, phải có lòng tin lẫn nhau. Đối với Mỹ, đối tác chiến lược phải bao gồm hợp tác chặt chẽ về quân sự, an ninh. [1]

Theo chúng tôi, *Quan hệ chiến lược* hay *Đối tác chiến lược* là mối quan hệ quan trọng, có sự gắn kết cao, có tính chất lâu dài đối với hai bên. Về mức độ quan trọng và tính vững chắc, có thể “Quan hệ chiến lược” hay “Đối tác chiến lược” không bằng “Quan hệ đồng minh” hay “Quan hệ đặc biệt”.

Kể từ năm 2001, khi lần đầu tiên thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với nước Nga, đến cuối 2013, Việt Nam đã thiết lập được 14 quan hệ đối tác chiến

lược - đó là với Nga, Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Tây Ban Nha, Hà Lan, Anh, Đức, Italia, Pháp, Indonesia, Thái Lan, Singapore. Trong đó, có đối tác chiến lược toàn diện (với Nga, Trung Quốc), đối tác chiến lược từng phần (với Hà Lan) và số còn lại là đối tác chiến lược.

3. Thiết lập các quan hệ đối tác chiến lược

Để dễ theo dõi, chúng tôi xin được phân chia các đối tác chiến lược theo châu lục và trong mỗi châu lục được trình bày theo trình tự thời gian (trước - sau) thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với nước ta.

3.1. Với châu Á

3.1.1. Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ

Cộng hòa Ấn Độ là một quốc gia rộng lớn, có diện tích 3.287,590 km², đứng thứ 7 thế giới, dân số đông hàng thứ hai thế giới: hơn 1,236 tỉ người (số liệu 7/2014), có lịch sử lâu đời. Từ khi giành được độc lập (8-1947) đến nay, với đường lối xây dựng đất nước độc lập, tự chủ và sáng tạo, với ý chí tự cường mạnh mẽ, Cộng hòa Ấn Độ đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Ngày nay, Ấn Độ được xem là một trong những quốc gia có nền kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới, có nhiều ngành khoa học - công nghệ ngang hàng với các nước công nghiệp phát triển, như: nghiên cứu vũ trụ, năng lượng hạt nhân, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin... Nhiều dự báo cho rằng, trong những thập niên đầu thế kỷ XXI, Ấn Độ sẽ có khả năng trở thành một trong bốn nền kinh tế lớn nhất thế

giới... Ấn Độ đang vận động để trở thành ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc (HĐBA LHQ) khi tổ chức này mở rộng.

Việt Nam và Ấn Độ có mối quan hệ hữu nghị lâu đời, bước sang thời kỳ hiện đại, mối quan hệ này được các lãnh tụ: Chủ tịch Hồ Chí Minh, M. Gandhi, J. Nêru cùng các nhà lãnh đạo và nhân dân hai nước dày công vun đắp nên đã không ngừng phát triển. Năm 1956, hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao ở cấp Tổng lãnh sự, và đến năm 1972, trong khi Việt Nam đang ở giai đoạn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ác liệt, hai nước đã nâng cấp quan hệ ngoại giao lên cấp Đại sứ. Đến 2007, hai nước quyết định đưa quan hệ này lên tầm cao mới: quan hệ đối tác chiến lược. Ấn Độ là người bạn tin cậy của Việt Nam. Mối quan hệ Việt Nam – Ấn Độ hầu như không có vấn đề gì vướng mắc và đúng như cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói: Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ trong xanh như bầu trời không một gợn mây.

3.1.2. Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc

Trung Quốc là nước lớn, có diện tích 9,6 triệu km², dân số 1,367 tỉ người (số liệu đến cuối năm 2014), có lịch sử lâu đời, là nước láng giềng và có quan hệ lâu đời với nước ta. Trung Quốc là Ủy viên thường trực HĐBA LHQ, là nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới và đang phát triển mạnh mẽ, có thể trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới trong tương lai không xa, có vai trò quan trọng trong việc giải quyết những vấn đề khu vực và toàn cầu.

Trung Quốc là nước thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức sớm nhất với

Việt Nam (năm 1950) và trong thời kỳ hai nước đấu tranh giành độc lập dân tộc, hai bên đã ủng hộ, giúp đỡ lẫn nhau. Trong thời kỳ Việt Nam tiến hành cuộc kháng chiến trường kỳ chống Pháp, Mỹ giành độc lập và thống nhất đất nước, Trung Quốc đã ủng hộ và giúp đỡ hiệu quả; quan hệ hai nước có những giai đoạn rất tốt đẹp “vừa là đồng chí, vừa là anh em”. Nhưng, từ sau khi nước ta giành độc lập, thống nhất năm 1975, quan hệ hai nước đã chuyển biến theo chiều hướng xấu mà đỉnh cao là Trung Quốc đem quân sang xâm lược các tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam vào đầu năm 1979.

Từ năm 1991, khi hai nước Việt Nam, Trung Quốc bình thường hóa ngoại giao, quan hệ hai nước phát triển nhanh chóng trên các mặt và đạt được nhiều thành tựu. Trong 3 vấn đề lớn do lịch sử để lại, hai nước đã giải quyết được 2 vấn đề, đó là biên giới trên bộ và phân định vịnh Bắc Bộ, chỉ còn lại vấn đề biển Đông. Tháng 6/2008, các nhà lãnh đạo cấp cao hai nước nhất trí phát triển quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc [2]. Trung Quốc hiện nay là một trong những đối tác thương mại, du lịch hàng đầu của Việt Nam. Tuy nhiên, trong mấy năm gần đây, Trung Quốc tỏ ra quyết đoán trong tham vọng độc chiếm biển Đông, liên tục có những hành động ngang ngược, đi ngược lại với những thỏa thuận giữa cấp cao hai nước, vi phạm luật pháp quốc tế, làm xói mòn lòng tin của nhân dân Việt Nam đối với chính quyền Trung Quốc.

3.1.3. Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản

Nhật Bản nằm ở Đông Bắc Á, có

diện tích 372.313 km², dân số hơn 127,34 triệu người, GDP: 5000 tỉ USD (số liệu năm 2013); là quốc gia nghèo tài nguyên, đất chật, người đông, kinh tế bị tàn phá kiệt quệ trong Chiến tranh thế giới thứ II. Nhờ có các chính sách phù hợp và sự nỗ lực to lớn của một dân tộc đầy nghị lực và kiên cường, nền kinh tế Nhật Bản đã nhanh chóng phục hồi và phát triển mạnh mẽ. Trong nhiều năm, Nhật Bản là cường quốc kinh tế thứ 2 thế giới và hiện nay là cường quốc kinh tế thứ 3 thế giới [3]. Nhật Bản là nước có nền khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo rất phát triển. Nhật Bản có vai trò quan trọng ở khu vực và trên thế giới, đang vận động để trở thành Ủy viên thường trực HĐBA LHQ khi tổ chức này mở rộng.

Việt Nam, Nhật Bản có quan hệ từ lâu đời và trải qua những bước thăng trầm. Hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao từ năm 1973. Sau Chiến tranh lạnh, với những thuận lợi mới của tình hình thế giới và sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của mỗi nước, quan hệ Việt Nam-Nhật Bản phát triển mạnh mẽ. Năm 2009, hai nước thiết lập quan hệ đối tác chiến lược vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á. Đến nay, quan hệ Việt Nam- Nhật Bản rất tốt đẹp, có sự tin cậy cao về chính trị, Nhật Bản trở thành đối tác kinh tế hàng đầu của Việt Nam về các lĩnh vực thương mại, đầu tư, ODA...

3.1.4. Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc

Đại Hàn Dân Quốc (Hàn Quốc) nằm trên bán đảo Triều Tiên, có diện tích là 99.720 km², dân số hơn 49,04 triệu người (số liệu tháng 7/2014) với lịch sử lâu đời. Hàn Quốc hiện nay có GDP:

1,2218 tỉ USD và GDP bình quân đầu người: 24.329 USD/năm, là quốc gia có nền kinh tế đứng thứ 4 ở châu Á và thứ 15 thế giới. [4]

Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc có từ lâu đời và trải qua những bước thăng trầm. So với các nước khác, Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với Hàn Quốc chưa lâu, nhưng đây là một trong những mối quan hệ quốc tế phát triển nhanh nhất của Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới. Hiện nay, Hàn Quốc là một trong đối tác quan trọng của Việt Nam về thương mại, đầu tư, hợp tác lao động, du lịch... Tuy nhiên, trong quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc, vấn đề nổi lên trong nhiều năm nay là người lao động Việt Nam bỏ hợp đồng hay hết hạn nhưng không về nước, ở lại gây khó khăn cho nước bạn trong việc quản lý xã hội; là tình trạng nhiều phụ nữ Việt Nam làm dâu ở Hàn Quốc bị bạo hành.

3.1.5. Quan hệ Việt Nam - Indonesia

Indonesia là một quần đảo lớn nhất thế giới với hơn 17.500 hòn đảo, có diện tích phần đất rộng 1,9 triệu km² và phần nước rộng 9,9 triệu km² là quốc gia lớn nhất Đông Nam Á về diện tích, dân số hơn 253,61 triệu người, đứng thứ tư thế giới (số liệu 7/2014) [5], quy mô kinh tế (trên 1.000 tỉ USD vào năm 2012), có vai trò quan trọng trong ASEAN. Indonesia còn là quốc gia Hồi giáo lớn nhất thế giới.

Việt Nam và Indonesia thiết lập quan hệ ở cấp Tổng lãnh sự quán tháng 12/1955 và nâng lên cấp đại sứ ngày 15/8/1964... Trong ASEAN, Indonesia là nước thiết lập quan hệ ngoại giao sớm

nhất với Việt Nam. Năm 2003, hai nước thiết lập quan hệ *khuôn khổ đối tác hữu nghị và toàn diện* bước vào thế kỉ XXI. Ngày 28/6/2013, hai nước đã chính thức quyết định thiết lập quan hệ đối tác chiến lược.

Về quan hệ thương mại, kim ngạch thương mại giữa hai nước khá lớn, đạt 3,3 tỉ USD (2010); 4,6 tỉ USD (2011); 4,6 tỉ USD (2012); 4,7 tỉ USD (2013); và 5,4 tỉ USD (2014); phấn đấu đạt mốc 10 tỉ USD vào năm 2018.

Về đầu tư, tính đến hết năm 2014, Indonesia tiếp tục đứng thứ 5 trong ASEAN và thứ 26/101 quốc gia đầu tư vào Việt Nam với 40 dự án trị giá hơn 367 triệu USD.

Về hợp tác an ninh quốc phòng, Indonesia là một trong những nước khu vực có quan hệ sớm nhất về an ninh - quốc phòng với ta. Năm 1964, Indonesia đặt phòng Tù viên quân sự ở Hà Nội; năm 1985, ta đặt phòng Tù viên quân sự tại Gia-các-ta. Hai bên trao đổi nhiều đoàn cấp Bộ trưởng và tướng lĩnh cao cấp Bộ Quốc phòng, Công an và đã triển khai hợp tác trên một số lĩnh vực. Indonesia đang đào tạo sĩ quan cho nước ta tại Trường Tham mưu Băng-đung. [6]

3.1.6. *Quan hệ Việt Nam - Singapore*

Singapore nằm ở cực Nam bán đảo Mã Lai, giáp Malaysia, ngăn cách với Indonesia bằng eo biển Malacca. Singapore là một quốc đảo ở Đông Nam Á, có diện tích 692,7 km², dân số: 5,47 triệu người (số liệu 6/2014), có quy mô GDP hàng năm đạt 297 tỉ USD (số liệu 5/2014). Mặc dù nghèo nàn về tài nguyên thiên nhiên, nhưng biết tận dụng vị trí

thuận lợi và có chính sách xây dựng đất nước phù hợp, Singapore đã phát triển rất nhanh chóng. Đây là nước phát triển nhất Đông Nam Á, được coi là một hình mẫu về xây dựng và phát triển kinh tế và là một trong những quốc gia sạch nhất thế giới.

Việt Nam và Singapore thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 01/8/1973. Sau khi Việt Nam tham gia Hiệp ước Bali (7/1992) và trở thành thành viên đầy đủ của ASEAN vào tháng 7/1995, quan hệ hai nước chuyển sang một giai đoạn phát triển mới về chất. Singapore rất coi trọng phát triển quan hệ hợp tác với Việt Nam và nước ta trở thành một trong những thị trường chính về hợp tác thương mại, đầu tư của Singapore ở Đông Nam Á. Tháng 3/2004, hai bên đã kí “Tuyên bố chung về khuôn khổ hợp tác toàn diện trong thế kỉ XXI”, tạo cơ sở pháp lí và điều kiện thuận lợi thúc đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác nhiều mặt giữa hai nước. Tháng 9/2013, hai bên nhất trí thiết lập quan hệ đối tác chiến lược [7]. Quan hệ hai nước hiện nay phát triển rất tốt đẹp, Singapore trở thành một trong những đối tác kinh tế hàng đầu của Việt Nam về thương mại và đầu tư. [8]

3.1.7. *Quan hệ Việt Nam - Thái Lan*

Thái Lan nằm ở Đông Nam Á, có diện tích 513.120 km², dân số hơn 67,74 triệu người (số liệu 7/2014) và là một nước có lịch sử lâu đời [9]. Thái Lan là nước công nghiệp mới, quy mô kinh tế khá lớn, có nền kinh tế phát triển khá nhanh và hiện nay nằm ở top 5 trong ASEAN.

Việt Nam và Thái Lan vừa là láng

giềng của nhau, vừa cùng là thành viên của ASEAN. Hai nước có quan hệ từ lâu đời, đã trải qua không ít thăng trầm và chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 06/8/1976. Trong những năm 80 của thế kỉ XX, do sự chi phối của vấn đề Campuchia, quan hệ Việt Nam - Thái Lan ở trong tình trạng căng thẳng. Từ năm 1991 trở đi, quan hệ hai nước dần được cải thiện và phát triển mạnh, nhất là sau khi Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN. Thái Lan là một trong những đối tác hàng đầu của Việt Nam trong ASEAN về thương mại, đầu tư. Tháng 6/2013, Việt Nam và Thái Lan đã quyết định đưa quan hệ hai nước lên tầm đối tác chiến lược. [10]

3.2. Với châu Âu

3.2.1. Quan hệ Việt Nam - CHLB Nga

Nga là nước có diện tích lớn nhất thế giới thế giới: 17.075.400 km², dân số là 142,9 triệu người (theo Tổng điều tra dân số 2010) [11]; là cường quốc về quân sự, chính trị; Ủy viên thường trực HĐBA LHQ, kế thừa vai trò của Liên Xô.

Việt Nam và Liên Xô thiết lập quan hệ ngoại giao từ sớm. Trong thời kì Chiến tranh lạnh, Liên Xô (mà nòng cốt là CHXHCN Xô-viết Nga) là chỗ dựa vững chắc của Việt Nam, đã ủng hộ, giúp đỡ hiệu quả trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta. Những năm đầu sau Chiến tranh lạnh, quan hệ Việt Nam - Nga tuy có một thời gian gặp khó khăn, nhưng cũng đã vượt qua và nhìn chung phát triển theo chiều hướng ngày càng tốt đẹp. Năm 2001, hai nước thiết lập quan hệ đối tác chiến lược và Nga là nước đầu tiên thiết lập quan hệ

chiến lược với nước ta, là một trong hai nước mà Việt Nam thiết lập quan hệ chiến lược toàn diện.

Quan hệ hai nước ngày càng phát triển, nhất là về chính trị, quân sự, khoa học - công nghệ, năng lượng... Nga là một trong những đối tác hàng đầu của nước ta.

Quan hệ Việt Nam - CHLB Nga trong thời gian gần đây diễn biến không thuận lợi như trước. Nguyên nhân đầu tiên, theo chúng tôi, là do quan hệ Nga - Trung Quốc trong thời gian này phát triển mạnh, hai nước có chung nhiều lợi ích và đã tác động không thuận lợi tới mối quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga. Phải chăng bài toán về lợi ích với Trung Quốc đã làm cho Nga ít nhiều thay đổi. Việc Nga im lặng trong suốt quá trình Trung Quốc đặt trái phép giàn khoan HD 981 trên vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, trong khi nhiều nước lên tiếng phản đối, đã minh chứng cho điều trên và làm cho không ít người Việt Nam thất vọng.

3.2.2. Quan hệ Việt Nam – Vương quốc Anh

Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ailen (gọi tắt là Vương quốc Anh hay nước Anh) là một quốc đảo nằm ở phía Tây Bắc châu Âu, có diện tích là 243.610 km², dân số 63,74 triệu người (số liệu 7/2014), là nền kinh tế lớn thứ 7 thế giới (thứ 2 trong EU sau Đức) với GDP đạt 2.481 tỉ USD, GDP trên đầu người là 35.900 USD (năm 2011). Vương quốc Anh là Ủy viên thường trực HĐBA LHQ, là thành viên quan trọng của EU.

Giữa Việt Nam với Vương quốc Anh đã có những mối liên hệ từ nhiều thế

khi trước. Hai nước chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 11/9/1973. Sau Chiến tranh lạnh, quan hệ hai nước phát triển thuận lợi. Tháng 9/2010, hai nước ký Tuyên bố chung chính thức nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược [12]. Hiện nay, Anh là đối tác quan trọng của Việt Nam trong EU về quan hệ thương mại, đầu tư, viện trợ phát triển và cũng là một trong những đối tác quan trọng của Việt Nam.

3.2.3. Quan hệ Việt Nam - CHLB Đức

CHLB Đức nằm ở trung tâm châu Âu, có diện tích 357.021 km², dân số khoảng 80,99 triệu người (số liệu 7/2014). GDP đạt 3, 593 238 tỉ USD (đứng thứ 4 thế giới) và GDP bình quân đầu người là 43.952 USD (số liệu năm 2013). Hiện nay, Đức là thành viên tích cực và có vai trò quan trọng trong EU, NATO, OECD, LHQ, thành viên của G.8....

Việt Nam và CHLB Đức thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 23/9/1975. Từ đó đến nay, quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa hai nước ngày càng phát triển tích cực, sâu rộng, hiệu quả và toàn diện. Từ nhiều năm nay, Đức là một trong những đối tác quan trọng nhất của Việt Nam ở châu Âu. Sự tin cậy và hiểu biết lẫn nhau ngày càng được tăng cường. Tháng 10/2011, hai nước đã ký Tuyên bố chung về việc thiết lập quan hệ đối tác chiến lược.

Về thương mại, Đức là đối tác lớn nhất của Việt Nam ở châu Âu, chiếm 19% xuất khẩu của nước ta sang EU (bằng cả Anh và Pháp cộng lại); và cũng là cửa ngõ trung chuyển quan trọng của

hàng hóa Việt Nam sang các thị trường khác ở châu Âu. Với sự phục hồi nhanh của nền kinh tế Đức, trao đổi thương mại song phương năm 2013 tăng mạnh bất chấp tác động tiêu cực của khủng hoảng nợ châu Âu, đạt 7,1 tỉ USD. Về đầu tư, tính đến tháng 12/2013, Đức có 215 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký là 1,16 tỉ USD, đứng thứ 22 trên tổng số 101 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Việt Nam. Về hợp tác phát triển, Đức là một trong những nước viện trợ nhiều và thường xuyên ODA cho Việt Nam. Từ năm 1990 đến nay, Đức đã cung cấp khoảng 1,5 tỉ USD cho các dự án ODA tại Việt Nam thông qua hợp tác kỹ thuật và hợp tác tài chính... [13]

3.2.4. Quan hệ Việt Nam - Pháp

Pháp có diện tích là 551.602 km², dân số 66,26 triệu người (số liệu 7/2014), đứng thứ 2 trong EU. Pháp là nước có lịch sử lâu đời ở châu Âu; là thành viên của EU, G.8, Ủy viên thường trực HĐBA LHQ; là cường quốc kinh tế đứng thứ 5 trên thế giới.

Việt Nam và Pháp có quan hệ lâu đời và có những bước thăng trầm. Hai nước chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao ở cấp Đại sứ ngày 12/4/1973.

Trong những năm 80 (thế kỉ XX), quan hệ hai nước bị ngưng trệ do ảnh hưởng của vấn đề Campuchia. Từ năm 1989 trở đi, quan hệ hai nước được cải thiện trở lại. Pháp đã đi đầu các nước phương Tây trong việc khai thông quan hệ với Việt Nam, xóa nợ cho Việt Nam...

Về quan hệ kinh tế, Pháp là bạn hàng châu Âu thứ 3 của Việt Nam (sau Đức và Anh). Trao đổi thương mại hai

chiều năm 2007 đạt 2,04 tỉ USD, năm 2008 đạt 1,8 tỉ USD, năm 2009 đạt gần 1,872 tỉ USD. Về đầu tư, Pháp đứng đầu các nước châu Âu và đứng thứ 13 trong tổng số nước và lãnh thổ đầu tư ở Việt Nam. Đầu tư trực tiếp của Pháp có mặt tại Việt Nam từ năm 1988. Tính đến 31/8/2009, Pháp đã đầu tư vào Việt Nam với tổng số vốn cam kết khoảng 3,03 tỉ đô-la cho 216 dự án còn hiệu lực. Về viện trợ phát triển (ODA), Việt Nam đứng thứ 7 trong số các nước hưởng ODA của Pháp. Pháp hiện là nhà tài trợ ODA thứ hai cho Việt Nam, sau Nhật Bản. Đến nay, Pháp đã cấp cho Việt Nam vay ưu đãi trên 2 tỉ euro cho các dự án. Việt Nam cũng nằm trong số các nước hợp tác ưu tiên của Pháp về hợp tác khoa học và công nghệ, hợp tác về giáo dục và đào tạo... [14]

Ngoài ra, Việt Nam còn thiết lập quan hệ với 3 nước châu Âu khác là Tây Ban Nha (tháng 12 năm 2009), Hà Lan (tháng 10/2010), Italia (tháng 01/2013).

4. Một vài nhận xét

4.1. Như vậy, trong thời kì Đổi mới, cụ thể là từ đầu thế kỉ XXI đến nay, Việt Nam đã thiết lập được 14 mối quan hệ đối tác chiến lược ở châu Á và châu Âu. Trong số đó, có nhiều nước giữ vai trò quan trọng về nhiều mặt trên thế giới: 4/5 nước là Ủy viên thường trực HĐBA LHQ; 6/8 nước thuộc G.8 là Anh, Pháp, Đức, Ý, Nhật, Nga; nhiều cường quốc kinh tế thế giới, như: Trung Quốc, Nhật, Anh, Pháp, Đức, Ý, Nga, Ấn Độ. Cũng trong số đó, có nhiều đối tác quan trọng của nước ta về chính trị như: Nga, Ấn Độ, Nhật Bản...; về kinh tế: Nhật Bản

(thương mại, đầu tư, ODA, du lịch...), Trung Quốc (thương mại, du lịch...), Hàn Quốc (thương mại, đầu tư, hợp tác lao động, Singapore (thương mại, đầu tư), Anh (thương mại, đầu tư, viện trợ phát triển), Pháp (thương mại, đầu tư), Đức (thương mại, đầu tư)...

4.2. Quan hệ đối tác chiến lược với các đối tác quan trọng làm gia tăng xu hướng hợp tác và cam kết chính trị ở các cấp cao nhất tôn trọng lựa chọn thể chế chính trị của Việt Nam. Việt Nam với các nước đối tác chiến lược và đối tác toàn diện, có nhiều cơ hội để tăng cường hợp tác, phát triển hiểu biết, thu hẹp và kiềm tỏa khác biệt. Các khuôn khổ quan hệ mới thiết lập đã làm gia tăng xu hướng đối thoại, giúp làm rõ những khác biệt, qua đó giảm thiểu những căn nguyên hiểu lầm chiến lược. Lòng tin với các đối tác chiến lược và độ tin cậy với các đối tác toàn diện được củng cố và nâng lên. Trong khuôn khổ quan hệ mới, việc xích lại gần nhau hơn là tiền đề cho việc tăng cường gặp gỡ, trao đổi và tiếp xúc cấp cao. [15]

4.3. Quan hệ với các đối tác chiến lược đã góp phần nâng cao uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế... Đúng như Phó Thủ tướng - Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Bình Minh nhận xét: “Việt Nam đã nâng tầm vị thế của mình trong quan hệ bình đẳng với các đối tác này, cộng đồng quốc tế đã nhìn nhận Việt Nam với vai trò và ảnh hưởng nhất định trong khu vực. Trong khuôn khổ chính sách đối ngoại của các nước đối tác chiến lược và đối tác toàn diện, Việt Nam đã được đặt ở vị trí quan trọng trong chính sách của các nước đối

với châu Á – Thái Bình Dương, Liên hiệp quốc và các tổ chức liên chính phủ” [15].

4.4. Quan hệ với các đối tác chiến lược đã góp phần tăng thêm thế và lực về kinh tế, chính trị - quân sự - ngoại giao..., giúp nước ta giữ vững môi trường hòa bình để xây dựng và bảo vệ đất nước.

Về kinh tế, với việc thiết lập quan hệ đối tác chiến lược cùng các nước trên, Việt Nam đã có khuôn khổ quan hệ ở mức cao với 3,5 tỉ người và gắn với thị trường của tổng GDP đạt 33.489 tỉ USD, gấp hơn 200 lần GDP của Việt Nam. Tổng kim ngạch thương mại của ta với 13 đối tác chiến lược 9 tháng đầu năm 2013 đạt 148 tỉ USD, chiếm 76,7% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam. Đáng chú ý, kim ngạch thương mại của Việt Nam với các đối tác chiến lược đều tăng từ 1,3 tới 6 lần so với thời điểm trước khi lập quan hệ đối tác chiến lược [15]. Đây là con số khổng lồ về thị trường thương mại, đầu tư, du lịch... Và chắc chắn đây cũng là điều kiện to lớn tạo nên sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong thời gian qua.

Về chính trị - ngoại giao, nước ta được nhiều nước trên thế giới ủng hộ trong việc ủng hộ vào vị trí Ủy viên không thường trực HĐBA LHQ hay nhiều tổ chức khác của quốc tế; trong việc đăng kí để thế giới công nhận các di sản thế giới; hay như sự kiện gần đây, nhiều nước lên án Trung Quốc trong việc hạ đặt trái phép dàn khoan HD 981 trong vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam vào giữa năm 2014 là những ví dụ cho nhận định trên.

4.5. Quan hệ đối tác chiến lược với các nước tạo cho đất nước một hệ thống các đối tác gần gũi, gắn kết, lợi ích đan xen trên mọi tầng nấc láng giềng, khu vực Đông Nam Á, châu Á và rộng lớn hơn ở tầm toàn cầu. Trong tất cả nội hàm của quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện của Việt Nam, mục tiêu là hợp tác vì hòa bình, ổn định để phát triển và đóng góp vào hòa bình, phồn thịnh của khu vực, vì phát triển của các dân tộc trên thế giới... Đó là thông điệp về những nguyên tắc đối ngoại của Việt Nam và cũng khẳng định sự công nhận và ủng hộ vững chắc của các nước đối với đường lối đối ngoại hòa bình cao cả của đất nước ta. [15]

4.6. Việc thiết lập quan hệ đối tác chiến lược và kết quả đưa lại thể hiện sự đúng đắn trong đường lối đối ngoại của Đảng ta: độc lập, tự chủ, sáng tạo; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế, Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước... Đó cũng là cơ hội để nước ta quảng bá hình ảnh đất nước ra bên ngoài và là những đóng góp tích cực của Việt Nam vào sự nghiệp hòa bình, hợp tác và phát triển ở khu vực và thế giới.

4.7. Về hạn chế, khó khăn của quan hệ đối tác chiến lược, có thể chỉ ra những điểm chính như sau:

(i) Hạn chế trong một số quan hệ đối tác giữa Việt Nam và các nước khác. Trong quan hệ Việt Nam - Trung Quốc, hạn chế, khó khăn là vấn đề tranh chấp chủ quyền biển Đông, vấn đề nhập siêu của Việt Nam trong quan hệ thương mại. Vấn đề biển Đông không chỉ tác động tiêu cực đến quan hệ Việt - Trung mà còn

tác động tiêu cực đến quan hệ giữa Việt Nam với một số đối tác chiến lược khác. Bởi vì Trung Quốc là một cường quốc, có ảnh hưởng lớn trên thế giới và gắn với lợi ích của nhiều nước, trong đó có một số đối tác chiến lược của Việt Nam. Trong quan hệ thương mại với Trung Quốc, Việt Nam vẫn còn nhập siêu khá lớn. Quan hệ Việt Nam - CHLB Nga trong thời gian gần đây không còn được như trước (đã trình bày ở trên). Trong quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc, vấn đề nổi lên trong nhiều năm nay là một số người lao động Việt Nam đi hợp tác lao động ở Hàn Quốc đã bỏ hợp đồng hay hết hạn nhưng không chịu về nước, ở lại và gây khó khăn cho nước bạn trong việc quản lý xã hội; là tình trạng nhiều phụ nữ Việt Nam làm dâu ở Hàn Quốc bị bạo hành. Quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Tây Ban Nha, có thể nói, phát triển chưa xứng tầm của quan hệ đối tác chiến lược...

(ii) Làm thế nào để xây dựng, phát triển các quan hệ đối tác chiến lược cho xứng tầm “chiến lược”. Nếu thành lập quá nhiều đối tác chiến lược thì có thể sẽ không còn là “Đối tác chiến lược” nữa mà thành “Đối tác bình thường”. Bởi vì khi phát triển theo chiều rộng thì sẽ giảm sự quan tâm, nguồn lực để phát triển chiều sâu. Vì vậy, việc nước ta thiết lập bao nhiêu đối tác chiến lược là vừa để tránh khả năng “lạm phát” là một câu hỏi, mà theo chúng tôi, Việt Nam cần quan tâm.

(iii) Qua diễn biến của quan hệ giữa Việt Nam với một số đối tác chiến lược gần đây cho thấy: Sự phức tạp và chi phối của tình hình thế giới (trong đó có nhân tố Trung Quốc) đã đang và sẽ là khó khăn, thách thức cho việc củng cố và tăng cường quan hệ quan hệ giữa Việt Nam với các đối tác chiến lược. Mọi mối quan hệ, kể cả quan hệ đối tác chiến lược có thể bị thay đổi trước sự tính toán về bài toán lợi ích. Nhưng ngược lại, cũng vì bài toán về lợi ích mà có những nước vốn trước đây có quan hệ bình thường, thậm chí là cựu thù của nước ta lại trở thành đối tác chiến lược. Điều này đòi hỏi chúng ta phải thật tỉnh táo, nhạy bén trong việc nhìn nhận các mối quan hệ để có thể ứng phó kịp thời.

(iv) Với những nước không có quan hệ chiến lược với nước ta, trong đó có những nước là bạn bè truyền thống, có thể cho là bị phân biệt đối xử, bị hạ thấp vai trò trong quan hệ với Việt Nam... Điều này có thể sẽ dẫn đến những khó khăn trong quan hệ giữa nước ta với những nước đó.

Trong bài viết này, chúng tôi điểu qua các quan hệ đối tác chiến lược tiêu biểu của Việt Nam như là một thành tựu nổi bật của quan hệ đối ngoại ở thời kỳ Đổi mới. Hi vọng trong tương lai, Việt Nam sẽ có thêm nhiều đối tác chiến lược để cùng nhau hợp tác và phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Công Tuấn, “Vài nét về quan hệ đối tác chiến lược”, <http://www.tapchicongsan.org.vn>
2. Tuyên bố chung Việt Nam - Trung Quốc, ngày 02/6/2008, <http://www.mofa.gov.vn>
3. Tài liệu cơ bản về nước Nhật Bản và quan hệ Việt Nam - Nhật Bản, ngày 08/7/2014, <http://www.mofa.gov.vn>
4. Tài liệu cơ bản về Hàn Quốc và quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc, ngày 04/7/2014, <http://www.mofa.gov.vn>
5. Tài liệu cơ bản nước Cộng hòa Indonesia, <http://www.mofa.gov.vn>
6. Tài liệu cơ bản nước Cộng hòa Indonesia, Danh sách quốc gia theo dân số, <https://vi.wikipedia.org/wiki>
7. Tài liệu cơ bản nước Cộng hòa Singapore ngày 02/6/2015, <http://www.mofa.gov.vn>
8. Tuyên bố chung về việc thiết lập quan hệ đối tác chiến lược giữa Việt Nam với Cộng hòa Singapore, ngày 12/9/2013, <http://www.mofa.gov.vn>
9. Tài liệu cơ bản Vương quốc Thái Lan, ngày 02/6/2015, <http://www.mofa.gov.vn>
10. Tuyên bố chung hai nước Việt Nam và Thái Lan, ngày 27/6/2013, <http://www.mofa.gov.vn>
11. Theo tài liệu cơ bản về CHLB Nga và quan hệ Việt Nam - Nga, 04-10-2012, <http://www.mofa.gov.vn>
12. Thông tin cơ bản về nước Anh và quan hệ Việt Nam - Anh, 07/5/2014, 26/5/2014, <http://www.mofa.gov.vn>
13. Tài liệu cơ bản về Cộng hòa Liên bang Đức và quan hệ Việt Nam - Đức, ngày 07/5/2014, <http://www.mofa.gov.vn>
14. Tài liệu cơ bản về nước Pháp và quan hệ Việt Nam - Pháp, ngày 13/12/2010, <http://www.mofa.gov.vn>
15. “Triển khai quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện của Việt Nam”, ngày 02/4/2015, <http://www.mofahcm.gov.vn>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 29-6-2015; ngày phản biện đánh giá: 20-7-2015;
ngày chấp nhận đăng: 22-10-2015)